

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 15/6/2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Ông Lê Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLST- HNGĐ ngày 07/01/2020 về: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXX - ST ngày 08 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1983. (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Xuân T - sinh năm 1978. (Có mặt)

Địa chỉ: xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2019, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa

thuận, hạnh phúc được 05 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, anh T thường xuyên rượu chè, chửi bới và đánh đập chị. Năm 2017 chị T đã làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, anh T có nguyện vọng đoàn tụ, hơn nữa lúc đó con đang còn nhỏ nên chị đã không nộp đơn nữa. Sau khi rút đơn ly hôn về, chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi, vẫn rượu chè và liên tục đánh đập chị. Trước khi làm đơn ly hôn gửi Tòa án, hai vợ chồng tuy ở cùng nhà nhưng không ăn, không ngủ và sinh hoạt cùng nhau. Quá trình Tòa án giải quyết ngày ngày 10/01/2020 chị T đã thuê nhà ra ở riêng và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Xuân Đ - sinh ngày 25/8/2013. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Bùi Xuân Đ và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại bản tự khai ngày 15 /01/2020, quá trình giải quyết bị đơn anh Bùi Xuân T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Bùi Xuân T thừa nhận như chị Nguyễn Thị T trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm thì đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, kinh tế khó khăn nên trong cuộc sống vợ chồng thường hay cãi nhau. Anh T cho rằng chị T nói anh hay rượu chè và thường xuyên đánh đập chị, theo anh là không đúng. Từ khi vợ chồng mâu thuẫn, tuy vẫn ở cùng nhà nhưng không ăn, không ngủ cùng nhau, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Ngày 28 tháng 01 năm 2020 chị T đã thuê nhà ra ở riêng. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên anh không đồng ý ly hôn. Nếu chị T cứ cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Xuân Đ - sinh ngày 25/8/2013

Nguyện vọng của anh T, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Bùi Xuân T. Anh T có nguyện vọng, nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đ thành niên.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Xuân T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Xuân Đ và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đ thành niên . Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Xuân T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Bùi Xuân T và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Xuân T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 20/12/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 05 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng mâu thuẫn về kinh tế gia đình nên thường xuyên cãi nhau. Chị T

cho rằng anh T hay rượu chè đánh đập chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T thì cho rằng chị T nói anh hay rượu chè là không đúng. Chị T và anh T đều thừa nhận từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, tuy vẫn ở chung nhà nhưng không ăn, không ngủ cùng nhau, việc ai người đó làm, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được nữa. Chị T xin ly hôn, anh T không đồng ý nhưng nếu chị T cứ cương quyết xin ly hôn anh cũng chấp nhận, thể hiện việc anh T không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc chị T không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Bùi Xuân Đ - sinh ngày 25/8/2013

Ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Bùi Xuân Đ và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T có nguyện vọng, nếu ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đ thành niên. Chị T đồng ý. HĐXX thấy rằng: Chị T và anh T đều có nguyện vọng được nuôi con, nguyện vọng của anh chị là chính đáng, tuy nhiên hiện nay cháu Đ đang ở với chị T, chị T chăm sóc và nuôi dạy cháu tốt, bản thân chị T có lương và thu nhập ổn định, hơn nữa anh T cũng đồng ý giao con cho chị T nuôi và anh cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Vì vậy thấy cần giao cháu Bùi Xuân Đ cho chị T nuôi dưỡng và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đ thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vay nợ: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Xuân T phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Bùi Xuân T.

- **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị T và anh Bùi Xuân T có 01 con chung là Bùi Xuân Đ - sinh ngày 25/8/2013.

Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Xuân Đ.

Anh Bùi Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 7 năm 2020 cho đến khi cháu Đ thành niên.

Anh Bùi Xuân T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm, cản trở.

- **Về tài sản, công nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Bùi Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001953 ngày 07/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Nguyễn Thị T, anh Bùi Xuân T. Chị T, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND H Quảng Xương;
- Chi cục THADS huyện Quảng Xương;
- UBND xã H, H Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T Lê Văn Lợi

Đào Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

TÒA

- VKSND H Đông Sơn;

- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Đào Thị Thu Thủy

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

{2} Về hôn nhân: Chị Trần Thị Nhung và anh Lê Hồng Thái kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa ngày 08/6/2006 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không tin tưởng nhau, anh Thái thường xuyên đi làm ăn xa, mỗi khi về hay gây sự và cho rằng thời gian anh đi làm xa chị Nhung ở nhà không chung thủy, chị Nhung không chịu được đã bỏ nhà đi từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị Nhung và anh Thái không thể hàn gắn được nữa. Chị Nhung xin ly hôn, anh Thái cũng đồng ý. Vì vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nhung và anh Thái là phù hợp với Điều Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

{3} Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Phượng - sinh ngày 04/7/2007.

Nay ly hôn chị Nhung và anh Thái đều có nguyện vọng được nuôi cháu Lê Thị Hồng Phượng và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX thấy rằng cháu Phượng là con gái Hơn nữa cháu Phượng cũng có vọng được ở với mẹ. Vì vậy thấy cần giao cháu Lê Thị Hồng Phượng cho chị Nhung nuôi dưỡng và anh Thái không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

{4} Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

{5} Về án phí: Chị Trần Thị Nhung phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

- **Về hôn nhân:** Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Nhung và anh Lê Hồng Thái.

- Về con chung: Công nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Hồng Phượng - sinh ngày 04/7/2007

Giao chị Trần Thị Nhung trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Hồng Phượng. Anh Lê Hồng Thái không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh Lê Hồng Thái có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, cản trở.

- **Về tài sản, công nợ:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Trần Thị Nhung phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Nhung đã nộp theo biên lai thu số AA/2011/02477 ngày 03/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Sơn. Chị Nhung đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai có mặt chị Trần Thị Nhung, anh Lê Hồng Thái. Chị Nhung, anh Thái có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

THẨM

- TAND tỉnh Thanh Hóa;

TÒA

- VKSND H Đông Sơn;

- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN

Đào Thị Thu Thủy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Hội thẩm nhân dân
toà**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên

Nguyễn Chí Bạ **Nguyễn Thị Hằng**

Đào Thị Thu Thủy

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

T VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị T Lê Văn Lợi

Đào Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tam giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- THADS huyện Quảng Xương;
- Công an huyện Quảng Xương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thu Thủy

